

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 199/2021/HNGĐ-PT
Ngày 05-3-2021
V/v tranh chấp về thay đổi
người trực tiếp nuôi con sau khi
ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thanh Minh.

Các Thẩm phán: Bà Quách Thanh Bình;

Bà Đoàn Thị Trang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Nguyễn Thanh Thùy – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Võ Phạm Phương Hạnh – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 26 tháng 02 và ngày 05 tháng 3 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 103/2019/TLPT-HNGĐ ngày 05 tháng 9 năm 2019 về “Tranh chấp về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn”.

Do Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 329/2019/HNGĐ-ST ngày 26 tháng 7 năm 2019 của Tòa án nhân dân quận 4 bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 230/2021/QĐ-PT ngày 15 tháng 01 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 1204/2021/QĐ-PT ngày 03 tháng 02 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Đặng Hanh T; địa chỉ: Phòng 401, nhà H, khu tập thể M, ngõ A, đường P, phường M, quận Đ, thành phố Hà Nội (có mặt).

2. Bị đơn: Bà Trần Thanh H; địa chỉ: P.603, chung cư Đ – số 348, đường V, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn:

- Bà Trần Thị Ngọc N là Luật sư của Hội Bảo vệ quyền trẻ em thành phố Hồ Chí Minh, thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hồ Chí Minh, địa chỉ: Số 8, đường N, Phường D, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt);

- Bà Đào Thị Bích L là Luật sư của Văn phòng Luật sư H, thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hồ Chí Minh, địa chỉ: Số 535, đường M, Phường G, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

3. Người kháng cáo: Bị đơn - bà Trần Thanh H.

5. Viện kiểm sát kháng nghị: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân quận 4.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ngày 25/3/2019, lời khai của nguyên đơn – ông Đặng Hanh T thì: Ông và bà Trần Thanh H kết hôn năm 2005, có hai con chung là Đặng Trần Vi L, sinh ngày 04/10/2005, giới tính nữ và Đặng Trần Linh A, sinh ngày 06/9/2008, giới tính nữ. Ngày 15/6/2015, Ông và bà H ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 75/2015/QĐST-HNGĐ của Tòa án nhân dân quận Đ, thành phố Hà Nội. Theo Quyết định nêu trên thì về con chung: Giao cho bà H trực tiếp nuôi 02 con chung là Vi L và Linh A. Tuy nhiên, bà H thường xuyên gây khó dễ khi Ông đến thăm hoặc gọi điện thoại cho các con; nói xấu về Ông với các con, có chuyện gì là chửi bậy, chửi Ông thậm tệ trước mặt các con. Bà H đã có con với người khác gây ảnh hưởng đến việc nuôi dưỡng, giáo dục và sự phát triển của các con vì bà H không thể chăm sóc cả ba con cùng một lúc một cách tốt nhất được (con thứ ba sinh năm 2015 là trong thời kỳ hôn nhân nhưng không phải con của Ông). Ngoài ra, các con gọi điện, nhắn tin kể cho Ông biết: Bà ngoại thường đánh, chửi hai con của Ông, mỗi lần chửi bà chửi cả gia đình Ông và đuổi hai con của Ông đi. Trong quá trình hòa giải vụ án ly hôn, Ông đã đấu tranh để được nuôi hai con chung nhưng bà H đã thuyết phục Ông và lúc đó hai con còn nhỏ, Ông nghĩ giao mẹ chăm sóc sẽ tốt hơn nên Ông đồng ý giao hai con cho bà H trực tiếp nuôi. Lúc đó, Ông không biết bà H đang có thai với người khác. Bà H trình bày Ông đánh đập 02 con chung là không đúng sự thật. Hơn nữa, hai con chung đều là trẻ gái, đang trong độ tuổi phát triển, trong khi bà H đã có người đàn ông khác, Ông không đồng ý cho các con gái của mình sống cùng với cha dượng, điều đó ảnh hưởng đến sự an toàn và phát triển của các con.

Ông có nhà tại Thành phố Hồ Chí Minh và thành phố Hà Nội. Nếu Ông được nuôi hai con, Ông có thể chuyển hai con đến thành phố Hà Nội hoặc Ông chuyển đến Thành phố Hồ Chí Minh sinh sống để nuôi dạy hai con tốt nhất. Ông có thu nhập ổn định và đủ để nuôi hai con. Hiện tại Ông đang sống một mình, không có gia đình mới, cha mẹ Ông đã mất. Nếu hai con sống cùng Ông, Ông sẽ

thuê giúp việc để đỡ đần việc nhà. Việc đưa đón các con đi học có xe của trường hoặc Ông có thể đưa đón con.

Do đó, Ông khởi kiện yêu cầu giao cho Ông trực tiếp nuôi hai con chung là Đặng Trần Vi L, sinh ngày 04/10/2005, giới tính nữ và Đặng Trần Linh A, sinh ngày 06/9/2008, giới tính nữ, không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con.

Theo lời khai của bị đơn – bà Trần Thanh H thì: Bà và ông Đặng Hanh T đã ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 75/2015/QĐST-HNGĐ ngày 15/6/2015 của Tòa án nhân dân quận Đ, thành phố Hà Nội. Quyết định nêu trên ghi nhận sự thỏa thuận của Bà và ông T là giao hai con chung Đặng Trần Vi L, sinh ngày 04/10/2005, giới tính nữ và Đặng Trần Linh A, sinh ngày 06/9/2008, giới tính nữ cho Bà trực tiếp nuôi. Bà đang là mẹ đơn thân nuôi 03 con, Bà chưa có người đàn ông khác. Mẹ Bà đã chăm sóc các con của Bà hàng ngày từ lúc các con còn nhỏ đến nay. Bà và mẹ Bà không sống chung. Hiện mẹ Bà đã 80 tuổi, từng là giáo viên nên rất nghiêm khắc, chuyện la mắng các cháu trong quá trình nuôi dạy là chuyện không thể tránh khỏi; ngay cả ông T khi nuôi dạy các con còn đánh đập các con. Ông T cho rằng lúc ly hôn, Ông nhường hai con cho Bà nuôi là không đúng vì đây là sự thỏa thuận và đồng ý của hai bên. Lúc đó, hai con còn nhỏ, ông T đã đẩy hết trách nhiệm nặng nề sang cho Bà. Dịp tết và nghỉ hè, ông T đều đến đón con đi chơi, Bà đều đồng ý, không ngăn cản trừ hè năm 2018, ông T không đến đón con vì Bà đưa hai con qua Hoa Kỳ chơi 02 tháng.

Hiện tại, Bà và các con đã có cuộc sống ổn định tại Thành phố Hồ Chí Minh từ ngày 05/8/2012. Bà chăm lo các con rất tốt, các con đều được ăn học đàng hoàng. Hằng năm, Bà đều cho các con đi du lịch, tham gia các khóa học ngoại khóa. Bà là người trực tiếp dạy dỗ, đưa đón các con hàng ngày. Bà có công việc và thu nhập ổn định để nuôi các con. Bà sở hữu 02 căn nhà ở Thành phố Hồ Chí Minh đang cho thuê để chuẩn bị hành trang cho các con sau này. Ngoài ra, Bà còn sở hữu 01 căn hộ tại chung cư Đ, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh là nơi Bà và các con đang sinh sống. Bà có đầy đủ điều kiện để tiếp tục nuôi dạy các con; các con là trẻ gái, đang ở tuổi dậy thì, đã có cuộc sống ổn định chung với mẹ và chị em gần 15 năm, trong đó có 08 năm ở Thành phố Hồ Chí Minh nên Bà không đồng ý giao hai con chung cho ông T trực tiếp nuôi. Bà không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Bà xác nhận từ tháng 01/2019 đến ngày ông T khởi kiện, ông T có gửi tiền vào tài khoản để Bà nuôi con, mỗi lần là 10.000.000 đ.

Hai con chung là Đặng Trần Vi L và Đặng Trần Linh A có nguyện vọng được ở với mẹ tại Thành phố Hồ Chí Minh do các cháu đang ổn định về chỗ ở và việc học tập.

Tại Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 329/2019/HNGĐ-ST ngày 26 tháng 7 năm 2019, Tòa án nhân dân quận 4 quyết định:

“Căn cứ khoản 3, Điều 28; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39; Điều 220; Điều 271 và khoản 1, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2, Điều 70; khoản 1, Điều 71; Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 463; Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự; khoản 4, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1/ Chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn:

Ông Đặng Hạnh T và bà Trần Thanh H xác nhận có 02 con chung tên Đặng Trần Vi L, sinh ngày 04/10/2005 và Đặng Trần Linh A, sinh ngày 06/9/2008. Giáo trẻ Đặng Trần Linh A cho ông T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Giáo trẻ Đặng Trần Vi L cho bà H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Không ai có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho người kia vì các đương sự đều không có yêu cầu”.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về quyền, nghĩa vụ thăm nom con; quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con, án phí dân sự sơ thẩm, quyền kháng cáo và quyền yêu cầu thi hành án.

Ngày 07/8/2019, bà H kháng cáo Bản án sơ thẩm, nội dung kháng cáo: Bà không đồng ý với Bản án sơ thẩm, giao con chung Đặng Trần Linh A, sinh ngày 06/9/2008 cho ông T trực tiếp nuôi vì: Con chung Linh A là trẻ gái, đang ở lứa tuổi dậy thì, đang được thụ hưởng một cuộc sống vật chất và tinh thần vô cùng ổn định với mẹ và chị gái. Bà và ông T không có thỏa thuận về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con nên căn cứ Khoản 2, Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình thì Tòa án chỉ quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con khi người đang trực tiếp nuôi con không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con và phải xem xét nguyện vọng của con từ đủ 07 tuổi nhưng căn cứ các tài liệu, chứng cứ thì Bà có điều kiện nuôi con tốt hơn ông T, các con (trên 07 tuổi) đều có nguyện vọng ở với mẹ; ông T không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho các lý do yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Ngày 12/8/2019, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân quận 4 có Quyết định số 541/QĐKNPT-VKS-DS kháng nghị phúc thẩm đối với Bản án sơ thẩm, đề nghị xét xử phúc thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn vì: Nguyên đơn không đưa ra được tài liệu, chứng cứ chứng minh việc bị đơn thường gây khó dễ khi Ông đến thăm con, chửi Ông trước các con, nói xấu Ông, bà ngoại thường hay đánh, chửi các con chung và việc quyền của trẻ em mà các con chung được hưởng bị hạn chế, cần thiết phải được chăm sóc thay thế theo Điều 60 Luật Trẻ em năm 2016; Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình. Căn cứ các tài liệu, chứng cứ thì các con chung là trẻ gái, đang ở độ tuổi dậy thì, đang có cuộc sống ổn định với nhau và với mẹ nên việc được sống với mẹ sẽ thuận lợi cho việc chăm sóc, giáo dục, phù hợp với sự phát triển về tâm sinh lý tuổi dậy thì của các con chung; việc đột ngột thay đổi môi trường sống sẽ

để làm ảnh hưởng đến tâm sinh lý của các con chung, cần hạn chế ở mức tối đa trong độ tuổi này. Nếu nguyên đơn tự nhận thấy mình đã lớn tuổi và không có đủ sức khỏe, cần con cái phải chăm sóc thì chứng minh Ông không có khả năng chăm sóc con tốt hơn bị đơn. Tòa án cấp sơ thẩm đã không xem xét đến nguyện vọng, điều kiện sống, học tập của con chung Linh A và nhu cầu tình cảm của các con chung Vi L, Linh A là trái với các quy định của Luật Trẻ em và Luật Hôn nhân và gia đình.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn – bà Trần Thị Ngọc N trình bày: Chúng tôi mong muốn cuộc sống của các trẻ được ổn định. Việc nuôi con phải đảm bảo cho các trẻ được sống trong môi trường an toàn, an lành và cha, mẹ đều có quyền và nghĩa vụ chăm sóc hai trẻ, không phải giao cho người này trực tiếp nuôi thì người không trực tiếp nuôi con không chăm sóc, giáo dục con; các trẻ cũng có quyền và nghĩa vụ đối với cha mẹ theo quy định của Luật Trẻ em. Hiện các trẻ đang học tại trường Vinschool là trường quốc tế, môi trường giáo dục tốt, trẻ vẫn rất quấn quýt với cha; từ hơn 10 năm nay, cuộc sống của hai trẻ đều được mẹ lo rất đầy đủ, với vai trò là mẹ đơn thân thì bà H đang chăm sóc các con rất tốt được thể hiện ở các tài liệu về thành tích học tập, học bạ của các trẻ mà bà H đã cung cấp cho Tòa án. Bà H có thu nhập ổn định, luôn hạn chế các công việc phải đi tỉnh để có thời gian giành cho các con; có nơi ở ổn định và có mẹ ruột hỗ trợ trong việc chăm sóc các con. Các trẻ đều là trẻ em, ở lứa tuổi có tâm sinh lý không ổn định. Trong suốt 15 năm sống với mẹ, các trẻ luôn ổn định tâm lý, các trẻ là trẻ gái nên được mẹ chăm sóc sẽ tốt hơn. Cha, mẹ nên quan tâm đến vấn đề sức khỏe của các con để đảm bảo các trẻ phát triển tốt theo Luật Trẻ em. Ngoài ra, Tòa án cũng đã tổ chức buổi làm việc để các chuyên gia về trẻ em của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tiếp xúc, tiến hành lấy ý kiến của các trẻ một cách công minh, các trẻ đều muốn ở với mẹ. Hiện nay ba đưa trẻ đều đi học rất đầy đủ, phát triển, học tập tốt; tâm sinh lý hiện nay đang rất tốt; bà H có đủ điều kiện nuôi con nên căn cứ Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét đưa quyết định đúng, đảm bảo quyền lợi của các trẻ.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn – bà Đào Thị Bích Liên trình bày: Đồng ý với kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân quận 4. Bản án cấp sơ thẩm áp dụng Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình, giao con chung Linh A cho ông T trực tiếp nuôi; nhận định về điều kiện kinh tế, cả ông T và bà H đều có điều kiện nuôi con tốt nhưng xét tình hình thực tế và kết quả học tập của hai trẻ đều rất tốt, được học ở trường Vinschool, được đi du lịch nước ngoài cùng với gia đình. Theo kết quả xác minh tại Công an Phường B, Quận C thì bà H có hộ khẩu thường trú tại số P.603 chung cư Đ và tạm trú tại P.517 chung cư Đ. Trong suốt quá trình giải quyết vụ án hai trẻ đều có lời khai là muốn ở với mẹ. Tại Công văn số 212094 ngày 13/5/2020, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội đã kết luận: Qua tiếp xúc, trò chuyện, trao đổi với hai trẻ thì các trẻ có nhận thức, nói chuyện, trao đổi lành mạnh, đều thể hiện tình cảm với mẹ nhiều hơn

cha, tự viết suy nghĩ của mình muốn sống chung với mẹ sau khi cha mẹ ly hôn. Căn cứ Luật Trẻ em năm 2016, nhằm bảo đảm điều kiện tốt nhất cho hai trẻ thì việc để cho mẹ chăm sóc, nuôi dưỡng hai trẻ là hợp lý nhất. Sau khi ly hôn, vợ chồng không sống chung nhưng nghĩa vụ chăm sóc, nuôi dưỡng của cha, mẹ đối với các con vẫn phải thực hiện đầy đủ và trẻ có quyền liên hệ, tiếp xúc với cha, mẹ nên Sở Lao động - Thương binh và Xã hội đề nghị Tòa án quyết định giao hai trẻ cho bà H được quyền nuôi con. Nếu giao trẻ Linh A cho ông T trực tiếp nuôi thì ông T sẽ đưa con ra Hà Nội sống hoặc ông T vào Thành phố Hồ Chí Minh sinh sống là ngược lại với ý muốn của trẻ, trẻ bị thay đổi môi trường sống, ảnh hưởng đến tâm sinh lý và sự phát triển bình thường của trẻ, nhất là trong tình hình hiện nay. Mặc khác, khi cha mẹ ly hôn, hai trẻ đã thiếu sự quan tâm, chăm sóc toàn thời gian của một trong hai người thì tình cảm gắn kết, gần gũi giữa hai chị em sẽ phần nào làm với đi sự bất ổn trong tâm hồn trẻ, nhất là đối với trẻ đang ở độ tuổi dậy thì. Đối chiếu với Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình thì do ông T, bà H không có thỏa thuận về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con nên việc thay đổi người trực tiếp nuôi con được giải quyết khi có một trong các căn cứ: người trực tiếp nuôi con không còn đủ điều kiện để trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con nhưng bà H có đủ điều kiện, thu nhập tốt, đảm bảo chăm sóc tốt các trẻ cả về vật chất và tinh thần và phải xem xét nguyện vọng của con từ đủ 7 tuổi trở lên mà trong vụ án các trẻ đều có nguyện vọng muốn ở với mẹ. Như vậy, bà H không vi phạm bất cứ điều nào theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bà H và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân quận 4, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, sửa án sơ thẩm giao hai con chung cho bà H trực tiếp nuôi.

Bị đơn – bà Trần Thanh H thống nhất với trình bày của các người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn – bà Trần Thị Ngọc N, bà Đào Thị Bích Liên.

Nguyên đơn – ông Đặng Hạnh T trình bày: Nguyên đơn cho rằng Ông phải quan tâm, chăm sóc các con nhưng Ông không liên hệ được với các con thì chăm sóc như thế nào, Ông không muốn gây gổ, làm âm ý trước mặt các con nên đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm, giao trẻ Linh A cho Ông trực tiếp nuôi.

Kiểm sát viên phát biểu:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về thời hạn kháng cáo, kháng nghị: Đơn kháng cáo của bà H và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân quận 4 trong thời hạn luật định.

Về nội dung: Căn cứ vào trình bày của bà H, Hợp đồng lao động số SRVN002/2018/HDLĐ, các Giấy xác nhận lương ngày 20/11/2019, ngày 26/02/2020 của Công ty Trách nhiệm hữu hạn N thì bà H có điều kiện kinh tế để chăm sóc, nuôi dưỡng con. Đồng thời theo các tài liệu trong hồ sơ vụ án thì các trẻ Vi L, Linh A đang được chăm sóc, nuôi dưỡng trong môi trường sống ổn định, đảm bảo điều kiện phát triển về mọi mặt. Xét thấy trẻ Vi L và trẻ Linh A

đều trên 07 tuổi, căn cứ Khoản 2, Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 208 Bộ luật Tố tụng dân sự thì cần xem xét nguyện vọng của trẻ, tài liệu được đánh bút lục số 524 thể hiện trẻ Linh A trình bày “mẹ là người nuôi dạy và chăm sóc cháu từ nhỏ và từ nhỏ cháu đã sống ở Thành phố Hồ Chí Minh với mẹ nên cháu sẽ ở trong này với mẹ, cháu muốn tiếp tục ở với mẹ và chị em cháu, cháu muốn sống ở Thành phố Hồ Chí Minh chưa muốn ra Hà Nội”. Bên cạnh đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và đưa ra những căn cứ là: Bị đơn thường gây khó dễ việc Ông đến thăm con, chửi ông trước mặt con, nói xấu Ông, bà ngoại thường hay đánh và chửi các con Ông nhưng căn cứ Biên bản xác minh ngày 06/6/2019 của Tòa án nhân dân quận 4 tại chung cư Đ thì hiện nay trẻ Vi L và Linh A đang sống cùng mẹ và bà ngoại tại căn hộ chung cư Đ ngoài ra không ai sinh sống tại căn hộ trên, trong thời gian sống ở đây, chưa thấy hai bé bị bà ngoại và mẹ bạo hành, hai bé học tập bình thường; đồng thời, ông T chưa cung cấp được chứng cứ nào thêm. Bản án sơ thẩm nhận định ông T hiện sống một mình, đã trên 60 tuổi nên yêu cầu về tình cảm cha con, gia đình là có thật và con cái phải chăm sóc, nuôi dưỡng cha mẹ khi về già theo quy định tại Khoản 2, Điều 70 Luật Hôn nhân và Gia đình và xem đây là một căn cứ để xem xét giao trẻ Linh A cho ông T nuôi dưỡng, chăm sóc là chưa phù hợp bởi nếu ông T tự nhận thấy ông đã lớn tuổi, không đủ sức khỏe, cần con cái chăm sóc thì đây là một thực tế chứng minh ông T không có khả năng để chăm sóc con tốt hơn bà H. Trường hợp nếu sức khỏe ông T vẫn còn tốt, chưa cần ai chăm sóc thì khi xem xét về quyền và lợi ích của trẻ, việc hai trẻ sống cùng với mẹ, bà ngoại và các anh chị em giúp các trẻ được sống trong môi trường ổn định và trưởng thành với sự hoàn thiện về cả thể chất và tinh thần, hai trẻ còn đang trong độ tuổi trẻ em nên bốn phận phải phù hợp Điều 37 Luật Trẻ em. Căn cứ Công văn số 21209 ngày 13/5/2020 của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội có nhận xét hai trẻ có nhận thức và nói chuyện trao đổi rành mạch, đều thể hiện tình cảm với mẹ nhiều hơn ba, tự viết suy nghĩ của mình cùng muốn chung sống với mẹ sau khi ba mẹ ly hôn. Từ các nhận định trên, có cơ sở nhận định bà H đủ điều kiện để trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con, đảm bảo sự phát triển tốt về mọi mặt, ổn định cuộc sống hiện tại của hai trẻ thì nên để bà H tiếp tục nuôi dưỡng hai trẻ là phù hợp. Do đó, Bản án sơ thẩm giao trẻ Linh A cho ông T trực tiếp nuôi là chưa phù hợp với quy định tại Khoản 2, Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 61, 62, 84 Luật Trẻ em nên kháng cáo của bà H và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân quận 4 là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bà H và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân quận 4, sửa bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Căn cứ Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 75/2015/QĐST-HNGĐ ngày 15/6/2015 của Tòa án nhân dân quận Đ, thành phố Hà Nội thì ông Đặng Hanh T và bà Trần Thanh H tự nguyện thỏa thuận giao cho bà H trực tiếp nuôi hai con chung là Đặng Trần Vi L, sinh ngày 04/10/2005, giới tính nữ và Đặng Trần Linh A, sinh ngày 06/9/2008, giới tính nữ.

[2] Căn cứ xác nhận của Tổ trưởng tổ dân phố I, chung cư Đ, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh tại Biên bản xác minh ngày 06/6/2019 của Tòa án nhân dân quận 4, Biên bản làm việc trong vi bằng số 3947/2019/VB-TPLQ5 do Văn phòng thừa phát lại quận K lập ngày 24/6/2019 và các Học bạ tiểu học, trung học cơ sở, Sổ liên lạc, Phiếu báo kết quả học tập tại Trường tiểu học S, Trường Trung học cơ sở T, Sổ theo dõi sức khỏe học sinh của các con chung, Giấy chứng nhận hoàn thành chương trình cấp tiểu học số 056/NTS/GCN-1819 do Trường tiểu học S cấp ngày 22/5/2019 là nơi trẻ Vi L, trẻ Linh A cư trú và học tập thì các trẻ được bà H nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục tốt, phát triển bình thường về thể chất, tinh thần, trí tuệ, đạo đức.

[3] Căn cứ vào Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn N, đăng ký lần đầu ngày 05/7/2012, đăng ký lần thay đổi lần thứ 2 ngày 02/3/2016; các Giấy xác nhận lương ngày 20/11/2019, ngày 26/02/2020 của Công ty Trách nhiệm hữu hạn N; Giấy xác nhận mức lương ngày 16/4/2019 của Công ty Cổ phần Thương mại X; Giấy xác nhận mức lương ngày 16/4/2019 của Công ty Trách nhiệm hữu hạn H; Hợp đồng lao động số SRVN002/2018/HDLĐ của Công ty Trách nhiệm hữu hạn R; các Sao kê tài khoản ngày 25/4/2019, 19/6/2019 của Ngân hàng V đối với số tài khoản 0071000714125; Hợp đồng mua bán căn hộ chung cư số A3.2519/2017/HĐMB/MD-TGV ngày 05/4/2017; Hợp đồng mua bán căn hộ chung cư số 166/HĐMB/DAB6-TCT36 ngày 04/10/2018; Hợp đồng mua bán nhà ở số C13/HĐMB/PL-RV ngày 01/11/2017; Hợp đồng mua bán nhà ở số D59/HĐMB/PL-RV ngày 21/11/2017; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CL 154994, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CS-ĐĐ05404 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội cấp ngày 30/11/2017; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BP 458253, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CH20481 do Ủy ban nhân dân Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 24/01/2014 và các Hợp đồng thuê nhà ở ngày 20/12/2018, ngày 10/02/2019 thì ông T, bà H có thu nhập cao, chỗ ở ổn định nên đều có đủ điều kiện về vật chất để trực tiếp nuôi hai con.

[4] Ông T khởi kiện yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu được trực tiếp nuôi hai con – Vi L, Linh A với lý do bà H cản trở Ông đến thăm nom các con; nói xấu, chửi bới Ông trước các con; không bảo đảm việc giáo dục các con có đạo đức tốt. Nhưng ông T không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho các lý do nêu trên.

[5] Ông T, bà H là cha, mẹ của các trẻ Vi L, Linh A; có quyền và nghĩa vụ như nhau trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; cả hai đều thương yêu, mong muốn các con được chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục tốt và đều có đủ điều kiện để nuôi dưỡng, giáo dục con. Tuy nhiên, từ khi ông T và bà H thỏa thuận giao hai con cho bà H trực tiếp nuôi t(năm 2015) đến nay, các trẻ Vi L, Linh A phát triển bình thường về thể chất, tinh thần, trí tuệ, đạo đức; ngoài ra, các trẻ là giới tính nữ, đang ở độ tuổi phát triển dần hoàn thiện về giới và đều có nguyện vọng được tiếp tục sống với mẹ nên được mẹ tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục thì sẽ thuận lợi hơn, bảo đảm lợi ích về mọi mặt đối với trẻ, giúp trẻ tiếp tục phát triển tốt, trở thành công dân có ích cho xã hội, con ngoan của gia đình.

[6] Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con của ông T, giao trẻ Linh A cho ông T trực tiếp nuôi là không phù hợp với quy định tại Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bà H và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân quận 4, sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T.

[7] Về án phí dân sự phúc thẩm: Căn cứ vào Khoản 1, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Khoản 1, Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, do Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T nên ông T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đ (ba trăm nghìn đồng).

[8] Về án phí dân sự phúc thẩm: Căn cứ vào Khoản 2, Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Khoản 2, Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, do Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm nên người kháng cáo – bà H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Khoản 1, Điều 147; Khoản 2, Điều 148; Khoản 2, Điều 308; Khoản 1, Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 82; Điều 83; Điều 84; Điều 116; Điều 117 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Khoản 1, Điều 26; Khoản 2, Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Sửa Bản án sơ thẩm:

1.1. Không chấp nhận yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con của ông Đặng Hạnh T.

Giao bà Trần Thanh H trực tiếp nuôi 02 (hai) con chung Đặng Trần Vi L, sinh ngày 04/10/2005, giới tính nữ và Đặng Trần Linh A, sinh ngày 06/9/2008, giới tính nữ.

Ghi nhận bà Trần Thanh H tự nguyện không yêu cầu ông Đặng Hạnh T cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Khi có lý do chính đáng, các bên có thể thỏa thuận thay đổi mức cấp dưỡng, phương thức cấp dưỡng; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định tại Điều 116; Điều 117 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

1.2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Đặng Hạnh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đ (ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đ (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2018/0024068 ngày 25 tháng 3 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận 4. Ông Đặng Hạnh T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

2. Án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Trần Thanh H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, hoàn trả cho bà Trần Thanh H số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp là 300.000 đ (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2018/0024544 ngày 15 tháng 8 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận 4.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại của Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân quận 4;
- Tòa án nhân dân quận 4;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận 4;
- Các đương sự;
- Sở Tư pháp;
- Lưu hồ sơ vụ án, VT (TM).

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thanh Minh